

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/10/2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Ông Trương Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1991; địa chỉ: số 136/31/5 đường D9X13, tổ 43, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: 41 T, phường 2, thành phố T1, tỉnh Long An, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Cự T, sinh năm 1986; địa chỉ: số 136/31/5 đường D9X13, tổ 43, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-12-2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm H trình bày:

Bà Võ Thị Cẩm H và ông Ngô Cự T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường P vào năm 2014. Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2014 ngày 26/12/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong tất cả các lĩnh vực của đời sống hôn nhân nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, ngột ngạt. Bà Hồng và ông Thuận đã cố gắng hòa giải nhưng không được nên đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hồng yêu cầu ly hôn với ông Thuận

Về con chung: Bà H và ông T có một con tên Ngô Minh T, sinh ngày 17/02/2017. Hiện nay, cháu Ngô Minh T đang đang sống với bà H. Bà H đang làm nhân viên ngân hàng, thu nhập ổn định và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Ngô Cự T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Thuận

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện ông T yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà H theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Ngô Cự T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Bà H và ông T đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Xét thấy, vợ chồng phải có

nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà H và ông T là vợ chồng nhưng đã ly thân, không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Hồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà H yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ngô Minh T, sinh ngày 17/02/2017. Xét thấy, cháu T hiện còn nhỏ, đang sinh sống ổn định với bà H. Bà H đang làm nhân viên ngân hàng, có thu nhập ổn định. Căn cứ vào quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu T nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm H đối với bị đơn ông Ngô Cự T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Cẩm H được ly hôn với ông Ngô Cự T.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Minh T, sinh ngày 17/02/2017 cho bà Võ Thị Cẩm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ hết vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0051059 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án DS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Ngân